

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST

Ngày 14/8/2025

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Kiều

Ông Phạm Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Minh D, sinh năm 1987

Số CCCD: 091087020126

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Danh S, sinh năm 1966. Số CCCD: 091066008768

Bà Thị Q, sinh năm 1968. Số CCCD: 091168004735

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh A.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có bà Dương Thị T – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý số 1 tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đoàn Minh D trình bày như sau:*

Từ năm 2020 đến tháng 8/2022 vợ chồng ông bà Danh S, Thị Q có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông để về sản xuất nông nghiệp. Tính ngày 21/8/2022 ông bà Danh S, Thị Q còn nợ số tiền phân là 121.834.000đ. Ngày 19/9/2024 ông S trả được 8.000.000 đồng và ngày 30/4/2025 ông S tiếp tục trả thêm được 4.000.000 đồng và ngưng trả đến nay nên số nợ còn lại là 109.834.000 đồng.

Từ sau tháng 8/2022 ông bà Danh S, Thị Q không mua phân của ông nữa và cũng không trả số tiền còn nợ lại.

Nay ông D yêu cầu vợ chồng ông bà Danh S, Thị Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền gốc là 109.834.000đ. Ngoài ra do vợ chồng ông bà Danh S, Thị Q chậm thanh toán nên yêu cầu lãi phát sinh 10%/năm trên số tiền gốc, tính từ ngày 21/8/2022 đến ngày 21/9/2024 là 2 năm với số tiền lãi là 21.966.800đ. Tổng cộng gốc, lãi là $109.834.000đ + 21.966.800đ = 131.800.000$ đồng.

** Bị đơn ông Danh S, bà Thị Q trình bày:*

Ông bà thừa nhận có thiếu tiền phân của ông D số tiền 109.834.000 đồng.

Do làm ăn bị lỗ lã nên giờ ông bà không có khả năng trả. Nay ông bà xin ông D tạo điều kiện cho ông bà trả dần mỗi vụ 5.000.000 đồng và xin ông D bỏ tiền lãi vì gia đình không có khả năng đóng lãi.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Bùi Thanh H – người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng hiện nay gia đình ông Danh S và bà Thị Q rất khó khăn nên đề nghị HĐXX xem xét cho ông bà được trả dần nợ và đề nghị nguyên đơn xem xét bỏ tiền lãi chậm trả cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Từ năm 2020-2022, vợ chồng ông Danh S và bà Thị Q có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Đoàn Minh D. Vợ chồng ông S, bà Quýt có trả nhiều lần, đến ngày 21/8/2022 còn lại 121.834.000đ. Ngày 19/9/2024 ông S trả được 8.000.000 đồng và ngày 30/4/2025 ông S tiếp tục trả thêm được 4.000.000 đồng

nên số nợ còn lại là 109.834.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, ông Danh S, bà Thị Q thừa nhận còn nợ ông D số tiền phân bón 109.834.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy việc ông S, bà Quýt mua phân nhưng không thanh toán hết tiền phân cho ông D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D nên yêu cầu khởi kiện của ông D có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét về lãi suất: Do ông S, bà Quýt vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông D yêu cầu ông S, bà Quýt phải chịu lãi suất chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Cụ thể lãi suất là: $109.834.000đ \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm} = 21.966.800 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là: 131.800.000 đồng.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Xét thấy yêu cầu xem xét cho trả dần của bị đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bị đơn ông S, bà Quýt phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; nhưng do ông bà là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Minh D.

Buộc ông Danh S và bà Thị Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Minh D số tiền gốc và lãi là 131.800.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Danh S và bà Thị Q được miễn tiền án phí.

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.295.000 đồng (Ba triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015954 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang do ông Bùi Thanh H nộp thay (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang).

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc